

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định
trong hoạt động thăm dò khoáng sản**

Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản¹.

¹ Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép, quyết định trong hồ sơ giải quyết thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản và mẫu báo cáo, tài liệu liên quan đến thực hiện công tác thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung. Không quy định đối với mẫu đề án thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung; mẫu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung và thành phần hồ sơ: cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Chương II

MẪU BÁO CÁO, TÀI LIỆU, GIẤY PHÉP, QUYẾT ĐỊNH TRONG HỒ SƠ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN; MẪU BÁO CÁO, TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN, THĂM DÒ BỔ SUNG

Điều 3. Mẫu văn bản đề nghị trong hồ sơ về thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung

1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 03 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 04 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu

thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

số 05 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 06 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính/ xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm được lập theo Mẫu số 07 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung được lập theo Mẫu số 08 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

9.² Văn bản đề nghị chấp thuận nội dung điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 8a Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

10.³ Văn bản đề nghị thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được lập theo Mẫu số 08b Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Mẫu bản đồ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung

1. Bản đồ được lập theo Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bản đồ được lập theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục trung ương, múi chiếu 6 độ; đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bản đồ được lập theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục và múi chiếu địa phương.

Điều 5.⁴ Mẫu giấy phép, quyết định, văn bản chấp thuận về thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵ được lập theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁴ Tên của Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁵ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

2. Giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁶ được lập theo Mẫu số 11 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁷ được lập theo Mẫu số 12 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁸ được lập theo Mẫu số 13 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁹ được lập theo Mẫu số 14 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹⁰ được lập theo Mẫu số 15 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹¹ được lập theo Mẫu số 16 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹² được lập theo Mẫu số 17 của Phụ lục III ban hành

⁶ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁷ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁸ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁰ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹¹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹² Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

kèm theo Thông tư này.

9. Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹³ được lập theo Mẫu số 18 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹⁴ được lập theo Mẫu số 19 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁵ được lập theo Mẫu số 20 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹⁶ được lập theo Mẫu số 21 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

13. Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁷ được lập theo Mẫu số 22 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

14. Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹⁸ được lập theo Mẫu số 23 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ

và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹³ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁴ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁵ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁶ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁷ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia được lập theo Mẫu số 24 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹⁹ được lập theo Mẫu số 25 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

17. Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên được lập theo Mẫu số 26 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

18.²⁰ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được lập theo Mẫu số 26a Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

19.²¹ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo Mẫu số 26b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

20.²² Văn bản chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được lập theo Mẫu số 26c Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

21.²³ Văn bản chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo Mẫu số 26d Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát lấy mẫu trên mặt đất, kế hoạch thăm dò khoáng sản

1. Văn bản thông báo kế hoạch thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 27 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

¹⁹ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

²⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

²¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

²² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

²³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

2. Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lập đề án thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 28 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Văn bản Thông báo kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản) được lập theo Mẫu số 29 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản) được lập theo Mẫu số 30 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7.²⁴ Mẫu các báo cáo, phương án trong hoạt động thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung

1. Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động thăm dò khoáng sản được lập và nộp trước ngày 15 tháng 02 của năm liền kề sau năm báo cáo, kỳ báo cáo là năm (từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12), đối với các giấy phép thăm dò có thời hạn dưới 12 tháng, thời điểm báo cáo là thời điểm kết thúc thời hạn của giấy phép thăm dò. Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 31 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 32 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3.²⁵ Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong quá trình thăm dò tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được lập theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

4.²⁶ Phương án bảo đảm an toàn bức xạ, môi trường và phòng ngừa sự cố trong đề án thăm dò khoáng sản được lập theo Mẫu số 34 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

²⁴ Tên của Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

²⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

²⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²⁷

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chấm dứt hiệu lực thi hành các Thông tư sau đây:
 - a) Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản;
 - b) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;
 - c) Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

²⁷ Điều 22, Điều 23 của Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại các Thông tư số: 36/2025/TT-BNNMT, 37/2025/TT-BNNMT, 39/2025/TT-BNNMT, 40/2025/TT-BNNMT và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì được thực hiện theo quy định tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính và có nội dung không phù hợp với quy định tại Thông tư này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phân công, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan chuyên môn thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn quản lý.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã nộp trước ngày Thông này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các biểu mẫu quy định tại thời điểm nộp hồ sơ.

2. Văn bản trong hồ sơ đề nghị công nhận trữ lượng khoáng sản được nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo biểu mẫu quy định tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử Bộ NN&MT (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, PC, ĐCKS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Ngọc Diệp

PHỤ LỤC I**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRONG HỒ SƠ VỀ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN,
THĂM DÒ BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01:²⁸ Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)*.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)²⁹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....*(Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân³⁰ số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

1. Đề nghị được thăm dò khoáng sản (hoặc thăm dò xuống sâu, mở rộng tại khu vực đang khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số)*(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*.....,*(tên cấp tỉnh)*..... với các thông tin chính sau đây:

²⁸ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Mẫu số 01 phần I Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

²⁹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.

³⁰ Áp dụng đối với cá nhân.

- Diện tích thăm dò:ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản³¹ kèm theo Văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò³²:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ		Ghi chú
GK	(m)	X	Y	

- Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

- Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....³³.

- Mục đích sử dụng khoáng sản:

2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định theo quy định tại điểm a, i và k khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản (các tài liệu minh chứng gửi kèm theo)³⁴.

3. (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

³¹ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

³² Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

³³ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản.

³⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị thăm dò xuống sâu, mở rộng.

Mẫu số 02: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Được phép thăm dò (*tên khoáng sản*)..... tại(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngày tháng ... năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày... tháng... năm...***VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**Kính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).......... (*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)³⁵ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân³⁶ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm để thăm dò(*tên khoáng sản*)..... tại(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*)..... Diện tích thăm dò:ha/km².

Do đã hết thời hạn, kể cả thời gian gia hạn theo quy định nhưng(*tên tổ chức, cá nhân*) ... chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm

Lý do chưa hoàn thành công tác thăm dò:

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản(*tên khoáng sản*)..... tại(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....

Diện tích thăm dò:ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ³⁵ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.³⁶ Áp dụng đối với cá nhân.

xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản³⁷ kèm theo văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò³⁸:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ		Ghi chú
GK	(m)	X	Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....³⁹

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

³⁷ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

³⁸ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

³⁹ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 04: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày... tháng... năm.....***VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**Kính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)..........(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò (*tên khoáng sản⁴⁰*)..... tại(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số....., ngày..... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Đề nghị điều chỉnh (*nội dung điều chỉnh⁴¹*)..... của Giấy phép thăm dò khoáng sản như sau:

- ... (*nội dung theo Giấy phép thăm dò đã cấp*).....;
- ... (*nội dung đề nghị điều chỉnh*).....;
- Diện tích trả lại:..... ha (km²)⁴²;
- Diện tích tiếp tục thăm dò:.....ha (km²)⁴³.

Diện tích đề nghị điều chỉnh và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi tọa độ các điểm khếp góc xác định tại Phụ lục I và Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản kèm theo văn bản này⁴⁴.

Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁴⁰ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

⁴¹ Nêu rõ các nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định.

⁴² Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

⁴³ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

⁴⁴ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản. Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản		
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 05: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày... tháng... năm.....***VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**Kính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)..........(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)..... cho phép thăm dò khoáng sản(*tên khoáng sản*)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ (*tên mỏ⁴⁵*)..... thuộc(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁴⁵ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 06: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Địa danh, ngày... tháng... năm***VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢNKính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)..........(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)..... cho phép thăm dò khoáng sản(*tên khoáng sản*)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ (*tên mỏ*⁴⁶)..... thuộc ...(*tên cấp xã*)...,(*tên cấp tỉnh*)...

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:

.....(*Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng*)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁴⁷ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân⁴⁸ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng chuyển nhượng số ngày..... tháng..... năm.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
đề nghị chuyển nhượng
(*Ký tên, đóng dấu*)

Tổ chức, cá nhân
nhận chuyển nhượng
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁴⁶ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.⁴⁷ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.⁴⁸ Áp dụng đối với cá nhân.

Mẫu số 07: Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ BỔ SUNG ĐỂ NÂNG CẤP TÀI NGUYÊN, TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CHÍNH/ XÁC ĐỊNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM

Kính gửi: (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁴⁹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân⁵⁰ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được phép khai thác (*tên khoáng sản*)..... tại xã, tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản*).....

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị (*tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép*) được tiến hành thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng tại các khối tài nguyên cấp, khối trữ lượng cấp ... /xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm là (*tên khoáng sản đi kèm*) trong phạm vi diện tích được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác*).

Vị trí, diện tích thăm dò bổ sung:ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò (bổ sung)⁵¹ kèm theo văn bản này.

Mức sâu thấp nhất của công trình thăm dò bổ sung: đến mứcm

⁴⁹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.

⁵⁰ Áp dụng đối với cá nhân.

⁵¹ Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời gian thăm dò bổ sung: tháng (năm), kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....⁵²

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Vị trí công trình thăm dò⁵³:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

⁵² Áp dụng đối với trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản.

⁵³ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

**Mẫu số 08: Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản,
thăm dò bổ sung**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/ THĂM DÒ BỔ SUNG**

Kính gửi: (*Tên cơ quan có thẩm quyền*⁵⁴).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁵⁵ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân⁵⁶ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày.... tháng..... năm..... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*)...../ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung đề⁵⁷ trong phạm vi khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng.... năm.... của(*Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác*).....) và đã lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung(*tên báo cáo*)..... theo quy định.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị(*Tên cơ quan có thẩm quyền*⁵⁸)..... thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung theo báo cáo(*tên báo cáo*).....

⁵⁴ Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁵⁵ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.

⁵⁶ Áp dụng đối với cá nhân.

⁵⁷ Nêu mục đích của thăm dò bổ sung.

⁵⁸ Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết các nội dung, thông tin trong hồ sơ đề nghị công nhận nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung gửi kèm theo văn bản này và các tài liệu nguyên thủy sử dụng để lập báo cáo là trung thực, chính xác, đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

**Mẫu số 8a:⁵⁹ Văn bản đề nghị chấp thuận nội dung điều chỉnh
đề án thăm dò khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH
ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò (*tên khoáng sản*)..... tại xã,
tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng
..... năm của (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm
quyền*).....

Căn cứ quy định tại khoản ... Điều Nghị định số ngày ... của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng
sản,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị (*Tên cơ quan nhà nước,
người có thẩm quyền*) điều chỉnh phương pháp, khối lượng của đề án thăm dò
khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng
.... năm của (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*) như sau:

Điều chỉnh, bổ sung..... (nêu cụ thể các phương pháp, khối
lượng hạng mục công việc đề nghị điều chỉnh hoặc bổ sung).

(*Báo cáo đề nghị điều chỉnh hoặc bổ sung phương pháp, khối lượng của đề
án thăm dò khoáng sản và các tài liệu, bản vẽ minh chứng kèm theo*)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của
pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁵⁹ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Mẫu số 08a phần I Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 8b:⁶⁰ Văn bản đề nghị thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ TRONG KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền*).....
.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....năm..... do..... (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁶¹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân số⁶²..... cấp ngày..... tháng..... năm.....;

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản, sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị được thăm dò khoáng sản (*tên khoáng sản*).... trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã (phường, đặc khu) tỉnh (thành phố)

Diện tích dự kiến đề nghị thăm dò:ha (km²), trong đó, diện tích thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản:ha (km²).

Toạ độ, diện tích được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

..... (*Tên tổ chức, cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

⁶⁰ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Mẫu số 08b phần I Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁶¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.

⁶² Áp dụng đối với cá nhân.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT
ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG
KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Văn bản số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

PHỤ LỤC II

**MẪU BẢN ĐỒ TRONG HỒ SƠ CẤP, GIA HẠN, CẤP LẠI, ĐIỀU
CHỈNH, TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN, CHUYỂN
NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN, THĂM DÒ BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7
năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Mẫu số 09: Bản đồ trong hồ sơ cấp/ gia hạn/ cấp lại/ điều chỉnh/ trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục II

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

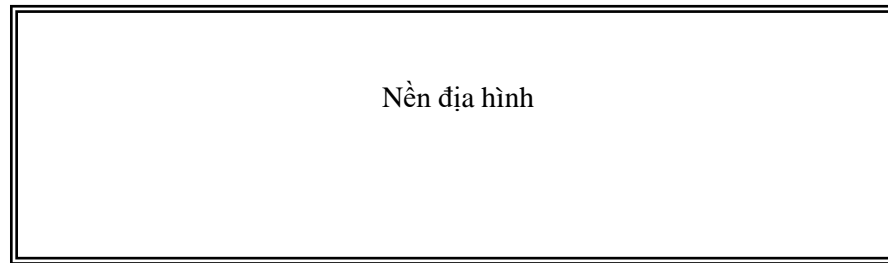
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ).....,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁶³
.....
(Ký, đóng dấu)

⁶³ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.

2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.

3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

PHỤ LỤC III

MẪU GIẤY PHÉP, QUYẾT ĐỊNH VỀ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**Mẫu số 10: Giấy phép thăm dò khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶⁴**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số..... ngày....thángnămcủa(Tên cơ quan ban hành).....⁶⁵

Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng năm.... của(Tên cơ quan ban hành)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản⁶⁶;

⁶⁴ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁶⁵ Áp dụng đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

⁶⁶ Áp dụng đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố....) về việc.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(**Tên tổ chức, cá nhân**)..... được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:,(**tên cấp xã**).....,(**tên cấp tỉnh**).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁶⁷ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản(**Tên Đề án thăm dò**)..... do(**Tên tổ chức, cá nhân**)..... lập kèm theo Giấy phép này.
6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (**Tên tổ chức, cá nhân**)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện thăm dò(**tên khoáng sản**)..... theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép này.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

⁶⁷ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... , múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

**Mẫu số 11: Giấy phép thăm dò khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁶⁸**

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số..... ngày....thángnămcủa(Tên cơ quan ban hành).....⁶⁹

Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng năm.... của(Tên cơ quan ban hành)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản⁷⁰;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

⁶⁸ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

⁶⁹ Áp dụng đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

⁷⁰ Áp dụng đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 1. Cho phép(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:,(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁷¹ Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản(*Tên Đề án thăm dò*)..... do(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... lập kèm theo Giấy phép này.
6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện thăm dò(*tên khoáng sản*)..... theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép này.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

⁷¹ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

**Mẫu số 12: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)
thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁷²**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày ... tháng năm

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... về việc.....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

⁷² Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm để(*tên tổ chức, cá nhân*)..... được tiếp tục thăm dò (*tên khoáng sản*)..... tại khu vực,(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*)..... đến hết ngày tháng năm

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện phương pháp, khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

3. Hoàn thành việc san lấp và đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

BỘ TRƯỞNG

(*Ký tên, đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

**Mẫu số 13: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)
thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁷³**

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

⁷³ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Điều 1. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm đề(*tên tổ chức, cá nhân*)..... được tiếp tục thăm dò (*tên khoáng sản*)..... tại khu vực,(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*)..... đến hết ngày tháng năm

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện phương pháp, khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... do... (*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

3. Hoàn thành việc san lấp và đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

**Mẫu số 14: Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại)
thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁷⁴**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày ... tháng năm

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CẤP LẠI)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại;

⁷⁴ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được tiếp tục thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:,(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁷⁵ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.
6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

BỘ TRƯỞNG

(*Ký tên, đóng dấu*)

⁷⁵ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

**Mẫu số 15: Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại)
thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁷⁶**

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CẤP LẠI)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... thángnăm.....;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

⁷⁶ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Điều 1. Cho phép(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được tiếp tục thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:,(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁷⁷ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.
6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

⁷⁷ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

**Mẫu số 16: Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng)
thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁷⁸**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày ... tháng năm

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CHUYỂN NHƯỢNG)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của ... (cơ quan ban hành) ... phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... và(tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

⁷⁸ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(*Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng*)..... nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....) từ(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... để tiếp tục thăm dò(*tên khoáng sản*)..... với các nội dung chính sau đây:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:,(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁷⁹ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-.... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

BỘ TRƯỞNG

(*Ký tên, đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

⁷⁹ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

**Mẫu số 17: Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng)
thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁸⁰**

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CHUYỂN NHƯỢNG)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;
Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của (cơ quan
ban hành) phê duyệt Quy hoạch*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ...
của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá
nhân).....;*

*Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của(tên
tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... và(tên tổ chức, cá nhân
nhận chuyển nhượng)..... đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo
Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ
quan cấp giấy phép thăm dò).....;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng).....
nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Giấy phép thăm dò khoáng sản

⁸⁰ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

số ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....) từ(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... để tiếp tục thăm dò(*tên khoáng sản*)..... với các nội dung chính sau đây:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:,(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁸¹ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m.
5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.
6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

⁸¹ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

**Mẫu số 18: Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁸²**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BNNMT

Địa danh, ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản)..... quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....

⁸² Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

thăm dò ... (tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

.....(nội dung điều chỉnh).....

.....(nội dung điều chỉnh).....

Tọa độ, diện tích khu vực không được tiếp tục thăm dò, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này⁸³.

Tọa độ, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được trả lại, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục II và Phụ lục II⁸⁴ kèm theo Quyết định này⁸⁵.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Tiếp tục thăm dò khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật và quy định tại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

3. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích không được tiếp tục thăm dò và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁸⁶.

4. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích được trả lại và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁸⁷.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

Chánh Văn phòng,(Thủ trưởng cơ quan thẩm định hồ sơ điều chỉnh giấy phép).....,(tên tổ chức, cá nhân)..... và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- UBND tỉnh (thành phố)...
- Cục ĐC&KS VN;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...
- Lưu HS, VT.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

⁸³ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò.

⁸⁴ Bản đồ ranh giới khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁸⁵ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

⁸⁶ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò.

⁸⁷ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC THĂM DÒ,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực không được thăm dò khoáng sản: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực được tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		

⁸⁸ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò.

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực được trả lại: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

⁸⁹ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

**Mẫu số 19: Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁹⁰**

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm.....;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản)..... quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân)..... thăm dò ... (tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... như sau:

⁹⁰ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

.....(nội dung điều chỉnh).....

.....(nội dung điều chỉnh).....

Tọa độ, diện tích khu vực không được tiếp tục thăm dò, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này⁹¹.

Tọa độ, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được trả lại, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁹² kèm theo Quyết định này⁹³.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).
2. Tiếp tục thăm dò khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định tại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....
3. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích không được tiếp tục thăm dò và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁹⁴.
4. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích được trả lại và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁹⁵.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(tên tổ chức, cá nhân)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- UBND tỉnh (thành phố)....;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu HS, VT.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

⁹¹ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò.

⁹² Bản đồ ranh giới khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁹³ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

⁹⁴ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò.

⁹⁵ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC THĂM DÒ,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)...))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực không được thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực được tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

⁹⁶ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò.

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực được trả lại: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

⁹⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

Mẫu số 20: Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁹⁸

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

⁹⁸ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do (*tên cơ quan cấp Giấy phép thăm dò*) ... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(*tên cấp xã*).....,(*tên cấp tỉnh*).....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố).....
-
- Lưu VT, (.....)

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 21: Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁹⁹

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... 2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm của

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò) ... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

⁹⁹ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 22: Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁰⁰

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... (nếu có);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-.... ngày ... tháng ... năm ... do ... (tên cơ quan cấp giấy phép) ... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... để thăm dò ... (tên khoáng sản) ... tại xã/phường/thị trấn ..., tỉnh/thành phố ...

Lý do thu hồi:

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc

¹⁰⁰ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” được thay thế bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

san lắp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố.....
-
- Lưu VT, (.....)

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 23: Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹⁰¹

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... 2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm của

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ... (tên cơ quan cấp giấy phép)... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân)..... để thăm dò ... (tên khoáng sản) ... tại xã/phường/thị trấn ..., tỉnh/thành phố ...

Lý do thu hồi:

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực,(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác

¹⁰¹ Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, (.....)

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 24: Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-HĐTLQG

Địa danh, ngày..... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản
mỏ(tên khoáng sản)..... tại khu vực(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....
(Trữ lượng tính đến tháng năm)**

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm..... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ... (trích Thông tư quy định về biểu mẫu ...);

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về ... (trích Thông tư quy định về phân cấp trữ lượng...);

Căn cứ Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày tháng năm của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia tại phiên họp ngày..... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung của(tên tổ chức, cá nhân) ngàytháng năm nộp tại; Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại khu vực(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung làha (Bằng chữ.....), có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng (Bình đồ phân bố thân quặng) kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản.....(tên khoáng sản)..... đã tính trong báo cáo, bao gồm:

Cấp 121: tấn (hoặc m³).

Cấp 122: tấn (hoặc m³).

3. Tài nguyên cấp 333:..... tấn (hoặc m³).

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: tấn (hoặc m³).

Trữ lượng cấp 122: tấn (hoặc m³).

5. Mức sâu thấp nhất của các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia,(tên tổ chức, cá nhân)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (thành phố)
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Tổ chức, cá nhân;
- TT Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, VPTLKS.

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA**

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/THĂM DÒ BỔ SUNG**

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày ... tháng ... năm.....
của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000	
	Kinh tuyến trực..., múi chiếu 6°	
	X(m)	Y(m)
Diện tích: ... ha		

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA**

Phụ lục II

THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày ... tháng ... năm.....
của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng (tấn/m³/...)	Ghi chú (nếu có)
1	1-121			
2	2-121			
...	...			
Tổng 121				
	1-122			
	2-122			
			
Tổng 122				
121+122				

**Mẫu số 25: Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản,
thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền
công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân¹⁰²**

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

Địa danh, ngày..... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản

**mở(tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....
(Trừ lượng tính đến tháng năm)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng năm
.....;*

*Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ... (trích Thông tư quy định về
biểu mẫu.....);*

*Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về ... (trích Thông tư quy định
về phân cấp trữ lượng và tài nguyên ...);*

*Căn cứ Quyết định số ngày tháng... năm của Ủy ban nhân dân
tỉnh (thành phố)... ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ...
của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá
nhân).....;*

¹⁰² Cụm từ “Ủy ban nhân dân” được thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn tỉnh (thành phố)..... tại phiên họp ngày.... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại khu vực(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung làha (*Bằng chữ.....*), có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng (Bình đồ phân bố thân quặng) kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản.....(*tên khoáng sản*)..... đã tính trong báo cáo, bao gồm:

Cấp 121: tấn (hoặc m³).

Cấp 122: tấn (hoặc m³).

3. Tài nguyên cấp 333:..... tấn (hoặc m³).

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: tấn (hoặc m³).

Trữ lượng cấp 122: tấn (hoặc m³).

5. Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(*tên tổ chức, cá nhân*)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh....;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Hội đồng ĐGTLKSQG;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, lưu trữ.....

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/THĂM DÒ BỔ SUNG**

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ- UBND ngày ... tháng ... năm.....
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000	
	Kinh tuyến trực ..., múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
Diện tích: ... ha		

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Phụ lục II

THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm.....
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng (tấn/m³/...)	Ghi chú (nếu có)
1	1-121			
2	2-121			
...	...			
Tổng 121				
	1-122			
	2-122			
			
Tổng 122				
121+122				

Mẫu số 26: Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Địa danh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thăm dò nước nóng thiên nhiên/
nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan(tên lỗ khoan).....
tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....
(Trữ lượng tính đến tháng năm)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng năm;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ...(trích Thông tư quy định biểu mẫu ...);

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ...(trích Thông tư quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên ...);

Căn cứ Quyết định số ngày tháng... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản tỉnh (thành phố)..... tại phiên họp ngày.... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngàytháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... theo “Báo cáo kết quả thăm dò nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Tọa độ lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... được xác định theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực ... , múi chiều 3⁰:

X(m)..... Y(m)..... và bản đồ kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên tại lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... như sau:

Cấp B:m³/ngày.

Cấp C₁:m³/ngày

3. Nguồn nước tại lỗ khoan(tên lỗ khoan)..... là nước khoáng thiên nhiên khoáng hóa, tổng khoáng hóa..... mg/l, nhiệt độ°C.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất. Quá trình khai thác và sử dụng nước nóng thiên nhiên/ nước khoáng thiên nhiên phải tiến hành lấy mẫu định kỳ, quan trắc theo yêu cầu chuyên môn, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,(tên tổ chức, cá nhân)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT tỉnh....;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Hội đồng ĐGTLKSQG;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDTL;
- Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, lưu trữ.....

CHỦ TỊCH

Mẫu số 26a:¹⁰³ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: _____ /TB-BNNMT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Chấp thuận thăm dò bổ sung**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

Căn cứ điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ khoản 1 Điều 68 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Xét đề nghị của.....(tên tổ chức, cá nhân).... tại văn bản số/... ngày..... tháng..... năm... về việc

Trên cơ sở báo cáo kết quả thăm định hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho ... (tên tổ chức, cá nhân) ...được thăm dò bổ sung với một số thông tin chính như sau:

- Mục đích¹⁰⁴:

- Loại khoáng sản thăm dò bổ sung:

- Vị trí, diện tích thăm dò: Trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... của ... (Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản)

- Phương pháp và khối lượng thăm dò: Thực hiện theo Đề án thăm dò bổ sung (đã được chỉnh sửa, hoàn thiện (nếu có)) kèm theo Văn bản số ngày ... của ... (tên tổ chức, cá nhân).....

- Mức sâu thăm dò bổ sung thấp nhất (nếu có): Đến mức ... m.

- Thời gian thăm dò: Được xác định theo Đề án thăm dò khoáng sản.

¹⁰³ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và Mẫu số 26a phần II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁰⁴ Xác định mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

- a) Thực hiện việc thăm dò bổ sung khoáng sản theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò bổ sung kèm theo Thông báo này;
- b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện thăm dò bổ sung khoáng sản nếu xảy ra sai phạm;
- c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đề ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- UBND tỉnh (thành phố)...
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...
- Văn phòng HĐĐGTLKS quốc gia;
- ...
- Lưu: VT, ĐCKS ()

BỘ TRƯỞNG

**Mẫu số 26b:¹⁰⁵ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung thuộc thẩm quyền
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)
Số: _____ /TB-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Chấp thuận thăm dò bổ sung

Kính gửi: (*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Căn cứ điểm c khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ khoản 1 Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Xét đề nghị của(tên tổ chức, cá nhân) tại văn bản số/... ngày..... tháng..... năm..... về việc

*Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của ... (*Tên cơ quan thẩm định hồ sơ*)..., Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... có ý kiến như sau:*

1. Chấp thuận cho ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... được thăm dò bổ sung với một số thông tin chính như sau:

- Mục đích¹⁰⁶:

- Loại khoáng sản thăm dò bổ sung:

- Vị trí, diện tích thăm dò: Trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... của ... (*Tên cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản*)

- Phương pháp và khối lượng thăm dò: Thực hiện theo Đề án thăm dò bổ sung (đã được chỉnh sửa, hoàn thiện (nếu có)) kèm theo Văn bản số ngày ... của ...(*tên tổ chức, cá nhân*).....

- Mức sâu thăm dò bổ sung thấp nhất (nếu có): Đến mức ... m.

¹⁰⁵ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và Mẫu số 26b phần II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

¹⁰⁶ Xác định mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Thời gian thăm dò: Được xác định theo Đề án thăm dò khoáng sản.

2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc thăm dò bổ sung khoáng sản theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò bổ sung kèm theo Thông báo này;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... trong quá trình thực hiện thăm dò bổ sung khoáng sản nếu xảy ra sai phạm;

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... thông báo để ... (Tên tổ chức, cá nhân)... biết, thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;
- ...;
- Lưu: ... ()

**Mẫu số 26c:¹⁰⁷ Văn bản chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động
khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /TB-BNNMT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm...

THÔNG BÁO

**Chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản,
khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân)

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ,.... tại các Văn bản số..... ngày ... tháng năm về việc.....;

Xét đề nghị của (tên tổ chức, cá nhân đề nghị).... tại Văn bản số/... ngày..... tháng..... năm..... về việc

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề... (tên tổ chức, cá nhân) ... được lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã, phường tỉnh, kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản thăm dò:.....

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản: ha (km²), trong đó diện tích thăm dò khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại phụ lục kèm theo Văn bản này.

¹⁰⁷ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và Mẫu số 26c phần II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo để ... (Tên tổ chức, cá nhân)... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thành phố)...
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...
- Văn phòng HĐĐGTLKS quốc gia;
- ...
- Lưu: VT, ĐCKS (...).

BỘ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 26d:¹⁰⁸ Văn bản chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ)**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ /TB-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm...

THÔNG BÁO

Chấp thuận thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Luật Địa chất và khoáng sản; sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ,.... tại các Văn bản số..... ngày ... tháng năm về việc.....;

Xét đề nghị của (tên tổ chức, cá nhân đề nghị).... tại Văn bản số/... ngày..... tháng..... năm..... về việc

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của ... (*Tên cơ quan thẩm định hồ sơ*)..., Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... được lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*tên khoáng sản*) trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại xã, phường tỉnh, kèm theo Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ với một số thông tin chính như sau:

- Loại khoáng sản thăm dò:.....

- Diện tích dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản: ha (km²), trong đó diện tích thăm dò khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản là ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định tại phụ lục kèm theo Văn bản này.

2. (*Tên tổ chức, cá nhân*) có trách nhiệm:

¹⁰⁸ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và Mẫu số 26d phần II Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thông tin, số liệu trong Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... thông báo đề ... (*Tên tổ chức, cá nhân*) ... biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...;
- ...;
- Lưu: ... ()

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

PHỤ LỤC

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHẤP THUẬN
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN Ở KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG
SẢN, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số.....ngày tháng năm của)

1. Tọa độ, diện tích khu vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

2. Tọa độ, diện tích nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

**Phụ lục IV. MẪU VĂN BẢN THÔNG BÁO KẾ HOẠCH KHẢO SÁT LẤY
MẪU TRÊN MẶT ĐẤT, KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm
2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Mẫu số 27: Văn bản thông báo kế hoạch thăm dò khoáng sản

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ...

**THÔNG BÁO
KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**(Áp dụng cho các trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản,
thăm dò bổ sung)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng.....
năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp;
hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên
cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn
phòng đại diện (chi nhánh)¹⁰⁹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do
.....(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....;
hoặc Căn cước công dân¹¹⁰ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... được (Tên cơ quan cấp giấy phép
thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng
..... năm với các nội dung chính như sau:

- Vị trí khu vực thăm dò khoáng sản:.....

¹⁰⁹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹¹⁰ Áp dụng đối với cá nhân

- Diện tích thăm dò:

- Thời hạn thăm dò:.....

Thực hiện các quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản,(Tên tổ chức, cá nhân)..... thông báo kế hoạch triển khai công tác thăm dò khoáng sản/ thăm dò bổ sung(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản nêu trên với thời gian dự kiến thực hiện từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ..., cụ thể:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện dự kiến (tháng)	Ghi chú
I	Công tác trắc địa				
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)			
1.1				
II	Công tác địa chất				
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)			
1.1	...				
2	Khoan thăm dò	m			
2.1	...				
3	...				
III	Công tác địa vật lý (nếu có)				
1	Đo ...				
2	Đo...				
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT				
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)			
1.1	...				

V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu				
1	Lấy mẫu	Mẫu			
1.1	...				
2	Gia công mẫu	Mẫu			
2.2	...				
3	Phân tích mẫu	Mẫu			
3.3				
VI	Lập báo cáo tổng kết				
1	...				
VII	Các công tác khác				
1	Lắp hào				
2	...				

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng khối lượng công tác thăm dò khoáng sản và thời gian dự kiến nêu trên theo quy định. Trường hợp có sự thay đổi về khối lượng công tác thăm dò khoáng sản và thời gian dự kiến thực hiện theo diễn biến thực tế thi công,(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... sẽ có văn bản thông báo để quý Ủy ban biết, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước theo quy định.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... trân trọng thông báo./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 28: Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lập đề án thăm dò khoáng sản

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
LẬP HỒ SƠ THĂM DÒ
KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ...

THÔNG BÁO
KẾ HOẠCH KHẢO SÁT, LẤY MẪU TRÊN MẶT ĐẤT
(Áp dụng cho trường hợp khảo sát để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản)

Kính gửi:

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...;

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn...

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹¹¹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Căn cước công dân¹¹² số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Là tổ chức/cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/UBND tỉnh, thành phố

(Hoặc) Được lựa chọn là tổ chức/cá nhân để thăm dò khoáng sản tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Văn bản thông báo số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/UBND tỉnh, thành phố ...

Thông báo kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lập đề án thăm dò khoáng sản đối với khoáng sản (tên khoáng sản) tại khu vực ..., xã/phường/thị trấn ..., tỉnh/thành phố với các nội dung như sau:

1. Phạm vi khảo sát, lấy mẫu:ha/km² (*diện tích khu vực đề nghị khảo sát, lấy mẫu*), có tọa độ dự kiến khu vực khảo sát, lấy mẫu kèm theo.

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

¹¹¹ Áp dụng đối với tổ chức

¹¹² Áp dụng đối với cá nhân

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa:(*chiều dài lộ trình*).....km lộ trình.3.2. Thi công công trình:(*Liệt kê tên công trình, khối lượng*).....3.3. Công tác mẫu:(*số lượng, chủng loại mẫu*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, đóng dấu*)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC
ĐỀ NGHỊ KHẢO SÁT, LẤY MẪU TRÊN MẶT ĐẤT**

*(Kèm theo Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất số ...
ngày tháng năm của(tên tổ chức, cá nhân).....)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha/km²		

Mẫu số 29: Thông báo kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**THÔNG BÁO
KẾ HOẠCH THI CÔNG BỔ SUNG KHỐI LƯỢNG
CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản nhưng giấy phép thăm dò đã hết thời hạn)

Kính gửi:

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố...;

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn... (nơi có khoáng sản)

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹¹³ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹¹⁴ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm với các nội dung chính như sau:

- Vị trí khu vực thăm dò khoáng sản:.....

- Diện tích thăm dò:

¹¹³ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹¹⁴ Áp dụng đối với cá nhân

- Thời hạn thăm dò:.....

Thực hiện yêu cầu của(tên cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản) tại Văn bản sốngày ... tháng ... năm ...,(Tên tổ chức, cá nhân)..... thông báo kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản nêu trên với thời gian dự kiến thực hiện từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ..., (gửi Kế hoạch thi công thăm dò bổ sung cụ thể kèm theo).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản và thời gian dự kiến theo quy định. Trường hợp có sự thay đổi về khối lượng thi công bổ sung công tác thăm dò khoáng sản, thời gian dự kiến thực hiện theo diễn biến thực tế thi công và đã được ...(tên cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng) ... chấp thuận,(Tên tổ chức, cá nhân)..... sẽ có văn bản thông báo bổ sung để Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố..., Ủy ban dân dân xã/puường/thị trấn biết, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước theo quy định.

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... trân trọng thông báo./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 30: Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**KẾ HOẠCH THI CÔNG BỔ SUNG
KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày ... tháng ... năm ... của**(Áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản nhưng giấy phép thăm dò đã hết thời hạn)***I. Mở đầu**

Khái quát nội dung Đề án thăm dò (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng); tóm tắt kết quả thi công đề án và vấn đề còn tồn tại.

II. Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

- Nêu cơ sở pháp lý của việc thực hiện thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản.

- Trình bày các dạng công tác cần thực hiện.

Bảng khối lượng hạng mục công việc:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng thi công bổ sung	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày/tháng)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục V. MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ
KHOÁNG SẢN, THĂM DÒ BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm
2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Mẫu số 31: Báo cáo định kỳ kết quả thăm dò khoáng sản

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN NĂM...**

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản:
2. Loại hình doanh nghiệp: (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...).....;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹¹⁵ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹¹⁶ số cấp ngày..... tháng..... năm.....
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Năm sinh:

Trình độ chuyên môn:

¹¹⁵ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹¹⁶ Áp dụng đối với cá nhân

III										
...										
...										

1.10. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản:

.....

.....

.....

2. Giấy phép thăm dò khoáng sản số:..... ngày... tháng... năm.....
(nếu có)

(Nội dung báo cáo tương tự như tại mục 1)

III. Đề xuất, kiến nghị

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có hơn một (01) giấy phép thăm dò chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, mục I và mục III là phần báo cáo chung; mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép).

Mẫu số 32: Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo trong hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹¹⁷ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹¹⁸ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực,(tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực

¹¹⁷ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹¹⁸ Áp dụng đối với cá nhân

hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO¹¹⁹

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	

¹¹⁹ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1					
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				

2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3					
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lập hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 33:¹²⁰ Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong quá trình thăm dò tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TRONG QUÁ TRÌNH THĂM DÒ TẠI
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM
THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

*.....(tên loại khoáng sản..., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)....*

Địa danh, năm 20...

¹²⁰ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 và Mẫu số 33 phần III Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

Danh sách tác giả lập Phương án:

- KSĐC... (Chủ biên)

- KS Trắc địa...

- KS ĐCTV-ĐCCT

- KS Khoan....

.....

**PHƯƠNG ÁN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỐI
TƯỢNG CẦN BẢO VỆ TRONG QUÁ TRÌNH THĂM DÒ TẠI
KHU VỰC CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, KHU VỰC TẠM
THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN**

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Chữ ký, đóng dấu
(*Họ và tên*)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Phương án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Phương án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT KHU VỰC ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHOÁNG SẢN

I. Phạm vi, đối tượng khoáng sản

1. Đặc điểm địa chất vùng

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3 PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG BẢO VỆ VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG

I. Phạm vi và đối tượng bảo vệ

1. Phạm vi không gian

2. Đối tượng cần bảo vệ

- Xác định đối tượng, số lượng, phạm vi phân bố của đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
- Cơ quan quản lý đối tượng cần bảo vệ.

II. Phương pháp, công nghệ thăm dò

- Dự kiến phương pháp thăm dò khoáng sản
- Giải pháp công nghệ khi thăm dò nhằm đảm bảo an toàn cho đối tượng thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

III. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng

Đánh giá mức độ tác động của phương pháp, giải pháp công nghệ khi thăm dò khoáng sản đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

1. Hiệu quả công tác thăm dò khi không thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
2. Hiệu quả công tác thăm dò khi thăm dò trong và ngoài khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

3. Đánh giá hiệu quả công tác thăm dò toàn bộ khu vực thăm dò để sơ bộ lựa chọn phương pháp khai thác (lộ thiên, hầm lò, khác), qua đó đánh giá hiệu quả kinh tế mỏ.

KẾT LUẬN

- Đánh giá hiệu quả công tác thi công thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để đưa ra bức trong tổng thể, lựa chọn phương án khai thác phù hợp, hiệu quả.

- Các yêu cầu, kiến nghị, cảnh báo khác.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản với tỷ lệ thích hợp; trong đó thể hiện ranh giới đề nghị thăm dò, ranh giới đề nghị thăm dò trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

**Mẫu số 34:¹²¹ Phương án bảo đảm an toàn bức xạ, môi trường
và phòng ngừa sự cố trong đề án thăm dò khoáng sản**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

**PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ, MÔI TRƯỜNG VÀ
PHÒNG NGỪA SỰ CỐ TRONG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

.....(*tên loại khoáng sản...*, thuộc(*tên cấp xã*).....,
.....(*tên cấp tỉnh*)....

Địa danh, năm 20...

¹²¹ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 và Mẫu số 34 phần III Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2026.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....

Danh sách tác giả lập Phương án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

**PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ, MÔI TRƯỜNG VÀ
PHÒNG NGỪA SỰ CỐ TRONG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Phương án bảo đảm an toàn bức xạ, môi trường và phòng ngừa sự cố trong đề án thăm dò khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Phương án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Phương án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Phương án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Phương án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Phương án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Phương án.

CHƯƠNG 1

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá hiện trạng môi trường mở

Thu thập dữ liệu địa chất môi trường: Tiến hành thu thập dữ liệu để dự báo và đánh giá các yếu tố chính tác động đến môi trường khi triển khai hoạt động thăm dò.

Đánh giá hiện trạng môi trường phóng xạ trước khi tiến hành hoạt động thăm dò khoáng sản.

2. Đánh giá tác động môi trường phóng xạ

2.1. Đánh giá môi trường phóng xạ trong quá trình thăm dò

- Các tác động môi trường do các hoạt động thăm dò (phát tuyến, mở đường, làm nền khoan, thi công, lấy mẫu, quan trắc thủy văn, chất thải sinh hoạt,...).

- Tác động môi trường do sự cố xảy ra trong quá trình thi công Đề án thăm dò (Cháy rừng, đổ cây, gãy cành, sạt lở, trượt lở, sập thành hào, sập thành lỗ khoan;... hay thất thoát chất phóng xạ ngoài tầm kiểm soát)

2.2. Giám sát các tác động môi trường trong quá trình thăm dò

- Giám sát các thành phần của môi trường phóng xạ (đất, nước, không khí, thực vật,...)

- Tần suất giám sát môi trường phóng xạ: Dựa vào tiến độ thi công các hạng mục công trình có tác động đến môi trường. Tại mỗi khu vực thăm dò cần tiến hành giám sát môi trường phóng xạ trong thời gian thi công đề án hàng năm và sau khi kết thúc thi công đối với từng khu thăm dò.

2.3. Đánh giá tác động sau khi kết thúc để xác định quy luật biến đổi của các chất độc hại.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Bảo vệ nguồn nước mặt, nước ngầm. Đất đá đào hào, lò, giếng,... không để rơi vãi trôi xuống sông, suối; nơi lấy, gia công mẫu và lưu trữ mẫu phải xa các khu dân cư và nhà ở của công nhân. Các mẫu lưu phải được bảo quản nghiêm ngặt.

2. Sử dụng công nghệ thân thiện: Ưu tiên sử dụng thiết bị, vật liệu ít gây tác động xấu đến cảnh quan và môi trường.

3. Phục hồi môi trường: Sau khi kết thúc thăm dò, tổ chức phải thực hiện san lấp các công trình thăm dò (hào, giếng, hố), bảo vệ khoáng sản và phục hồi đất đai về trạng thái an toàn.

4. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản theo quy định.

CHƯƠNG 3

BẢO HỘ LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ

1. An toàn lao động

- Đề ra các giải pháp cụ thể về an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình thi công các hạng mục khoan, đào.

- Bảo vệ sức khỏe người lao động trực tiếp tại thực địa về chế độ làm việc, ăn ở, sinh hoạt, bồi dưỡng độc hại (nếu có), trang bị thiết bị bảo hộ.

- Người lao động phải tuân thủ nghiêm túc quy định về phòng hộ lao động khi làm việc, nội quy nơi làm việc. Khi làm việc trong môi trường bụi, cần thiết phải có biện pháp để hạn chế bụi phóng xạ vào cơ thể.

- Đối với cư dân xung quanh vùng mỏ cần được điều tra về môi trường phóng xạ, nguồn nước sinh hoạt, hàm lượng bụi,... để có biện pháp xử lý

2. Báo cáo sự cố:

Kịp thời thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra các sự cố nghiêm trọng gây mất an toàn lao động hoặc ô nhiễm môi trường.

KẾT LUẬN

- Đánh giá về hiện trạng môi trường phóng xạ sau khi kết thúc thăm dò
- Đánh giá Mức độ tác động môi trường phóng xạ do thăm dò và biện pháp khắc phục (nếu có).
- Các yêu cầu, kiến nghị, cảnh báo khác.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ VÀ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Bản đồ hiện trạng môi trường phóng xạ (nếu có) sau thăm dò trong khu vực thăm dò và khu vực lân cận.
- Bản đồ dự báo nguy cơ trượt lở đất đá, sụt lún bề mặt hoặc ô nhiễm từ các khoáng vật độc hại có nguồn gốc tự nhiên phát sinh trong quá trình thi công (nếu có)
- Bản đồ phân vùng môi trường phóng xạ tại vùng mỏ và khu vực lân cận.
- Tài liệu, dữ liệu khảo sát để dự báo đánh giá các yếu tố chính tác động đến môi trường.
- Kết quả phân tích mẫu môi trường tại vùng mỏ và khu vực lân cận.
- Các tài liệu liên quan chứng minh việc san lấp công trình thăm dò (hào, lò, giếng, hố) sau khi kết thúc thi công thăm dò.